

Ngày soạn: 07/12/2024	Tiết PPCT	Ngày dạy	18/12/2024	19/12/2024
	55,56	Lớp	8C	8C
		Tiết (TKB)	2	1

**BÀI 5- NGHỊ LUẬN XÃ HỘI**  
**TIẾT 56,57: Đọc – hiểu văn bản**  
**HỊCH TƯỞNG SĨ**  
*(Dụ chư tì tướng hịch văn”\**

**TRẦN QUỐC TUẤN**

## I. MỤC TIÊU

### 1. Kiến thức

- Nhận biết được đặc điểm của văn nghị luận xã hội; Mục đích và nội dung chính; ý kiến, lí lẽ bằng chứng và mối quan hệ của chúng.
- + Nhận biết và xác định được vai trò của luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong việc thể hiện luận đề. Phân biệt được lí lẽ và bằng chứng khách quan với ý kiến, đánh giá chủ quan của người viết.
- + Đề cao tinh thần yêu nước, niềm tự hào về nền văn hiến, văn hoá và lịch sử đấu tranh giải phóng dân tộc, bảo vệ độc lập, tự do của Tổ quốc; nhận thức được trách nhiệm của tuổi trẻ đối với đất nước.
- + Cảm nhận được lòng yêu nước bất khuất của Trần Quốc Tuấn, của nhân dân ta trong cuộc kháng chiến chống ngoại xâm; lòng căm thù giặc, tinh thần quyết chiến, quyết thắng kẻ thù xâm lược

### 2. Năng lực

#### a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

#### b. Năng lực riêng biệt

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa văn bản

### 3. Phẩm chất:

- Yêu nước, tự hào về truyền thống đánh giặc giữ nước của cha ông
- Có trách nhiệm xây dựng và bảo vệ tổ quốc

### 4. Giáo dục ANQP

- Giáo dục HS lòng tự hào dân tộc về truyền thống đấu tranh chống giặc ngoại xâm của ông cha ta.

## II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

### 1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Giáo án;
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

### 2. Chuẩn bị của học sinh: SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

## III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

### A. KHỞI ĐỘNG

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình từ đó HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học

**b. Nội dung:** GV cho học sinh xem video giới thiệu về nhà Trần

**c. Sản phẩm:** HS quan sát video

**d. Tổ chức thực hiện:**

#### Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV chiếu video: <https://youtu.be/Vt3MKmcPVpY>
- Nêu cảm nhận sau khi xem video

#### Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS quan sát video

#### Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận

- HS theo dõi video, nêu cảm nhận.

#### Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, khen ngợi HS.
- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới

### B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

#### Hoạt động 1: Đọc văn bản

**a. Mục tiêu:** Hiểu được những thông tin cơ bản về tác giả, tác phẩm

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, đọc văn bản và theo dõi thông tin về tác giả, tác phẩm

**c. Sản phẩm học tập:** Bài đọc của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

Tổ chức thực hiện	Dự kiến sản phẩm
<b>1. Đọc, chú thích</b> <i>1) Chia sẻ quá trình tự đọc văn bản ở nhà (cách đọc, cách khám phá văn bản theo các gợi ý đọc bên phải văn bản; những lưu ý khi đọc văn bản).</i>	<b>I. Đọc và tìm hiểu chung</b> <b>1. Đọc, chú thích</b> <b>2. Tìm hiểu chung</b>

(2) Ngoài các từ ngữ ở cước chú, em thấy cần giải nghĩa thêm những từ ngữ nào khác trong văn bản?

- Hướng dẫn đọc: giọng đọc to, đồng dục, mạnh mẽ; lưu ý nhịp sóng đôi của văn biền ngẫu, chuyển ngữ điệu phù hợp với từng đoạn (khi sôi nổi, hùng hồn, khi lắng sâu, ân tình, khi đanh thép, nghiêm khắc,...). Chú ý phát âm chính xác tên các nhân vật, địa danh.

- Giải thích từ khó:

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- Hoàn thành phiếu bài tập về tác giả, tác phẩm

+ Nhóm 1: tác giả

+ Nhóm 2: Tác phẩm

<b>PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1</b> <b>Tìm hiểu chung về văn bản “Hịch tướng sĩ” – Trần Hưng Đạo</b>	
1. Cho biết hoàn cảnh ra đời của văn bản.	
2. Văn bản được viết theo thể loại nào?	
3. Văn bản được viết ra nhằm mục đích gì?	
4. Đối tượng thuyết phục của văn bản là ai?	
5. Xác định bố cục và nội dung từng phần của văn bản.	

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS chuẩn bị nội dung từ ở nhà

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**

**1. Tác giả**

- Hưng Đạo Đại Vương Trần Quốc Tuấn (1232 - 1300), quê ở Nam Định.

- Ông là một nhà chính trị, nhà quân sự kiệt xuất của dân tộc, được tôn là Đức Thánh Trần.

**2. Văn bản**

- Hoàn cảnh ra đời: ngay trước cuộc kháng chiến chống quân Mông – Nguyên lần thứ hai, được viết trong cuốn *Binh thư yếu lược* do chính Trần Quốc Tuấn biên soạn.

- Thể loại: Hịch.

+ Hịch là thể văn chính luận trung đại. Do vua chúa, tướng lĩnh hoặc thủ lĩnh, phong trào dùng hịch để cổ động, thuyết

<p>- 2 học sinh 2 nhóm báo cáo</p> <p>- GV đưa thông tin về tác giả, tác phẩm lên bảng</p> <p><b>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</b></p> <p>- Yêu cầu học sinh đối chiếu trên bảng, nhận xét hoạt động của các nhóm</p> <p>+ Phần 1 – mở đầu: Nêu gương trung thần nghĩa sĩ lưu danh trong sử sách và hiện tại.</p> <p>+ Phần 2: Lòng căm thù và thái độ kiên quyết không đội trời chung với kẻ thù xâm lược.</p> <p>+ Phần 3: Nhắc lại ân tình và khích lệ ý thức trách nhiệm của tướng sĩ với triều đình, đất nước, biết làm theo điều đúng, gạt bỏ điều sai.</p> <p>+ Phần 4 – kết thúc: Khuyến nhủ tướng sĩ luyện tập binh pháp để trừ giặc, bảo vệ xã tắc, non sông.</p>	<p>phục hoặc kêu gọi đấu tranh chống thù trong giặc ngoài.</p> <p>+ Mục đích của hịch là khích lệ tinh thần, tình cảm của người nghe -&gt; Hịch đòi hỏi phải có kết cấu chặt chẽ, lí lẽ sắc bén, dẫn chứng thuyết phục, giọng văn hùng hồn đanh thép.</p> <p>Bố cục: 4 phần</p>
<p><b>II. Đọc và tìm hiểu chi tiết</b></p> <p>* <b>HD1: Tìm hiểu hệ thống luận điểm, lí lẽ, bằng chứng trong văn bản</b></p> <p>- GV hướng dẫn HS làm việc nhóm 4 hoàn thành các nội dung trong PHT số 2 trong thời gian 20 phút.</p>	<p><b>II. Đọc và tìm hiểu chi tiết</b></p> <p><b>1. Hệ thống luận điểm, lí lẽ, bằng chứng</b></p>

**Hoạt động 2: Luận điểm 1: Nêu gương trung thần nghĩa sĩ lưu danh trong sử sách và hiện tại.**

**a) Mục đích:**

- Nắm được lòng yêu nước của vị chủ tướng -> khích lệ tinh thần yêu nước của quân sĩ.
- HS có ý thức làm việc độc lập và hợp tác.

**b) Nội dung:** Sử dụng sgk và kiến thức đã học thực hiện nhiệm vụ

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
<p><b>Nhiệm vụ 1:</b></p> <p><b>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</b></p> <p>- GV yêu cầu học sinh thảo luận nhóm đôi trả lời các câu hỏi sau:</p> <p>- Vì sao tác giả mở đầu bài hịch bằng cách nêu lên</p>	<p><b>1. : Luận điểm 1: Nêu gương trung thần nghĩa sĩ lưu danh trong sử sách và hiện tại.</b></p> <p>- Lưu danh trong sử sách: Kỷ Tín, Do Vu, Dữ Nhượng, than khoái, kimh đức,</p>

- những tấm gương trung thần nghĩa sĩ?
- Những tội ác của kẻ thù được dẫn ra trong văn bản có tác động như thế nào đến suy nghĩ, tình cảm của các tướng sĩ?
  - Vì sao tác giả bày tỏ tình cảm với các tướng sĩ và phê phán nghiêm khắc những suy nghĩ, việc làm sai trái của họ?
  - Lời khuyên nhủ của tác giả dựa trên cơ sở nào?
  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- Các nhóm thảo luận, điền vào phiếu học tập.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**

- GV mời đại diện các nhóm dán phiếu học tập lên bảng.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

- + Giáo viên nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.
- =>Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng.

**- Nhiệm vụ 2:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

Giáo viên nêu yêu cầu:

1. “Thời loạn lạc” và “buổi gian nan” ở đây thuộc thời kì lịch sử nào của nước ta?
2. Hình ảnh kẻ thù được tác giả miêu tả qua những chi tiết nào? Tác giả đã sử dụng nghệ thuật gì? Tác dụng?
3. Lòng yêu nước, căm thù giặc của Trần Quốc Tuấn thể hiện qua thái độ, hành động ntn? Để diễn tả nỗi căm thù ấy tác giả đã sử dụng NT gì? Tác dụng?
4. Đoạn văn này có tác dụng gì trong bài hịch?

**- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

- + Học sinh: làm việc cá nhân
- + Giáo viên: quan sát hs làm việc, hỗ trợ khi cần thiết

**- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

- + Học sinh đứng tại chỗ trả lời
- + Giáo viên: hướng dẫn, nghe Hs trình bày.

**- Bước 4: Kết luận, nhận định:**

cáo khanh.

- Hiện thực mới đây: Nguyễn Văn Lập, Xích Tu Tư.

-> Tác giả nêu các tấm gương trung thần nghĩa sĩ bao đời vì nước, vì chủ mà sẵn sàng hi sinh vì nghĩa lớn → vừa khơi gợi được tinh thần, khí thế, vừa giúp các tướng sĩ nhìn lại chính bản thân mình để thấy được trách nhiệm đối với chủ tướng và đất nước.

**2. Luận điểm 2: Thể hiện lòng căm thù và thái độ kiên quyết không đội trời chung với kẻ thù xâm lược.**

- “Thời loạn lạc” và “buổi gian nan” ở đây thuộc thời Trần, quân Mông - Nguyên lăm le xâm lược nước ta.

- Lí lẽ 1: Cẩn hận trước những tội ác của quân xâm lược với đất nước với vua quan triều đình:

- + Bằng chứng: Sứ giặc đi lại nghênh ngang, sỉ mắng triều đình, bắt nạt tể phụ, vợ vét bạc vàng, ngọc lụa, của kho có hạn.

+ NT ẩn dụ. Giọng văn mỉa mai, châm biếm.

-> Tác giả nói đến sự ngang ngược, hống hách, vô lễ của sứ giặc đối với triều đình và các bậc tể phụ để tướng sĩ thấy được sự nhục nhã và căm thù những hành động của chúng. Phần này như một phản đề với việc nêu các tấm gương liêm liệt ở phía trên.

- Lí lẽ 2: Đau đớn dần vật khôn người trước vận mệnh đất nước.

- + Bằng chứng: Tới bữa quên ăn, nửa

+ Giáo viên nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

**Nhiệm vụ 3:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV yêu cầu HS làm việc theo cặp, trả lời câu hỏi:
- + Tác giả đã dùng những bằng chứng và lí lẽ nào để chứng minh các tì tướng đã suy nghĩ, hành động không đúng?
- + Với tư cách là vị chủ tướng, Trần Quốc Tuấn đã dùng những lí lẽ nào để kêu gọi các tì tướng phải rèn tập võ nghệ, học tập cuốn “*Binh thư yếu lược*”, chuẩn bị cho việc đánh giặc giữ nước?

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS thảo luận theo cặp, suy nghĩ để trả lời.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**

- GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.

**Nhiệm vụ 4:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV yêu cầu HS làm việc theo cặp, trả lời câu hỏi:
- GV hướng dẫn HS thảo luận theo kĩ thuật khăn trải bài (mỗi nhóm thực hiện 1 yêu cầu) để nhận xét nghệ thuật nghị luận của văn bản theo các gợi ý sau:
- 1. Em có nhận xét gì về giọng điệu, cách sử dụng ngôn từ của vị chủ tướng Trần Quốc Tuấn trong bài *Hịch*?
- 2. Nhận xét về hệ thống luận đề, luận điểm, lí lẽ, bằng chứng được triển khai trong văn bản.
- 3. Điểm độc đáo của nghệ thuật viết văn nghị luận trung đại được thể hiện như thế nào trong văn bản “*Hịch tướng sĩ*”?
- HS tổ chức các nhóm 4; ghi ý kiến cá nhân vào các góc, sau đó thống nhất các ý chung ghi vào ô giữa.
- GV gọi đại diện 3 nhóm HS trình bày kết quả thảo

đêm võ gối, ruột đau như cắt, nước mắt đầm đìa, cảm tức chưa xả thịt lột da, uống...

- + NT: Sử dụng các động từ mạnh chỉ trạng thái tâm lí và hành động quên ăn, võ gối; xả thịt, lột da, nuốt, uống -> Diễn tả niềm uất hận trào dâng trong lòng.

**Luận điểm 3: Phê phán biểu hiện sai trái**

- Phê phán hành động hưởng lạc, ham thú vui tầm thường: *chơi gà, cờ bạc, săn bắn,...*
- Thái độ phê phán dứt khoát
- Phê phán nghiêm khắc thái độ vô trách nhiệm, vong ân bội nghĩa, lười sống hưởng lạc, chỉ lo vun vén hạnh phúc cá nhân.

**Luận điểm 4: Kêu gọi tướng sĩ.**

- Phải biết lo xa, nêu cao cảnh giác, tăng cường luyện tập, học tập “*Binh thư yếu lược*.”
- Giúp tướng sĩ nhận thức rõ đúng – sai
- Vạch rõ ranh giới 2 con đường chính – tà, sống – chết.
- Thái độ dứt khoát, cương quyết, khích lệ lòng yêu nước, quyết chiến, quyết thắng kẻ thù

**2. Nghệ thuật nghị luận**

- Giọng điệu, ngôn từ thể hiện trong bài hịch rất đa dạng (khi thì nêu gương, lúc trữ tình, thân mật, khi thì suy luận lô gích vẽ ra viễn cảnh tai họa, lúc thì thống thiết, căm phẫn, khi thì châm biếm, mỉa mai, lúc lại dứt khoát vẽ ra viễn cảnh thắng lợi), cùng với việc sử

luyện theo nội dung được phân công; nhóm khác lắng nghe, bổ sung.

- GV tổng hợp ý kiến, chốt kiến thức cơ bản về nghệ thuật nghị luận đặc sắc của văn bản “Hịch tướng sĩ” nói riêng và văn bản nghị luận trung đại nói chung.

**Nhiệm vụ 5:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV yêu cầu HS khái quát nội dung nghệ thuật của bài và cách đọc hiểu thể loại văn bản nghị luận trung đại.

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**

- HS thực hiện nhiệm vụ.

**Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**

- HS trả lời câu hỏi

- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**

- GV nhận xét, đánh giá, chốt

**1. Nội dung**

Bài Hịch phản ánh tinh thần yêu nước nồng nàn của dân tộc ta trong cuộc kháng chiến chống quân Mông – Nguyên xâm lược, thể hiện qua lòng căm thù giặc sâu sắc, ý chí quyết chiến thắng kẻ thù xâm lược.

**2. Nghệ thuật**

Giọng điệu đa dạng; ngôn ngữ trang trọng, uyên bác, giàu tính ước lệ, tượng trưng; lời văn biền ngẫu đăng đối, truyền cảm; biện pháp cường điệu, ẩn dụ, câu hỏi tu từ; kết hợp nhuần nhuyễn giữa lập luận chặt chẽ, sắc bén với lời văn thống thiết, có sức lôi cuốn mạnh mẽ. Đây là một áng văn nghị luận xuất sắc trong lịch sử văn học dân tộc

\* Chú ý các đặc trưng nghị luận trung đại: viết bằng chữ Hán hoặc chữ Nôm; vấn đề nghị luận mang tính quốc gia, chính trị; sử dụng từ ngữ trang trọng, uyên bác, giàu tính ước lệ, tượng trưng; câu văn biền ngẫu;

dùng các biện pháp tu từ ẩn dụ, nói quá, câu hỏi tu từ, câu cảm thán,... tạo nên một bài hịch giàu hình ảnh, nhạc điệu và cảm xúc.

- Hệ thống luận điểm, lí lẽ, bằng chứng được triển khai chặt chẽ, logic, theo trình tự hợp lí với diễn biến nhận thức và tâm lí con người. Các bằng chứng phong phú, đa dạng, tiêu biểu, thuyết phục, gắn bó mật thiết, làm sáng tỏ cho lí lẽ, luận điểm.

- Đặc trưng độc đáo của văn học trung đại được sử dụng có hiệu quả trong bài Hịch: Kết cấu đầu cuối, nhân – quả chặt chẽ; tính sùng cổ (tả gương các trung thần nghĩa sĩ trong sử sách); sử dụng ngôn ngữ trang trọng và lối văn biền ngẫu.

**III. Tổng kết**

**1. Nội dung**

**2. Nghệ thuật**

**3. Kỹ năng đọc hiểu văn bản nghị luận xã hội (trung đại)**

- Tìm hiểu bối cảnh lịch sử, thời đại ra đời của tác phẩm, các thông tin về tác giả có liên quan đến bài học. (Trả lời câu hỏi: Viết để làm gì? Đối tượng mà bài nghị luận hướng tới là ai? Người viết có vai trò, ảnh hưởng gì trong xã hội?)

- Tìm hiểu và phân tích được các yếu tố luận đề, luận điểm, lí lẽ, ý kiến đánh giá chủ quan và bằng chứng khách quan được tác giả triển khai trong bài.

- Tìm hiểu biện pháp nghệ thuật đặc sắc được tác giả sử dụng để làm nổi bật các

<p>tính sùng cổ; kết hợp hài hòa giữa yếu tố lập luận và cảm xúc của người viết.</p>	<p>vấn đề được trình bày trong bài nghị luận.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chú ý yếu tố biểu cảm được bộc lộ qua ngôn từ, giọng điệu lập luận, thể hiện quan điểm, tình cảm, thái độ của tác giả trước các vấn đề được đưa ra nhằm thuyết phục người đọc, người nghe.</li> <li>- Liên hệ ý nghĩa của văn bản với bản thân, cuộc sống và thời đại.</li> </ul>
--	--

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học về văn bản *Hịch tướng sĩ*

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành nhiệm vụ: Trả lời câu hỏi: Ngày nay, loại văn bản nào có mục đích và nội dung tương tự hịch? Theo em, khi nào thì người ta viết loại văn bản như thế?

**c. Sản phẩm học tập:** HS trình bày câu trả lời

**d. Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p><b>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</b> + <i>Bài tập trắc nghiệm</i></p> <p><b>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập</b> - HS trình bày trước lớp</p> <p><b>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận</b> - GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.</p> <p><b>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</b> - GV nhận xét, đánh giá</p>	<p><b>IV. LUYỆN TẬP</b></p>

**Câu 1:** Trần Quốc Tuấn đã sử dụng biện pháp tu từ nào để lột tả sự ngang nhiên, lão xược và tàn ác của quân giặc xâm lược ?

- A. Vật hoá      C. So sánh
- B. Nhân hoá    D. ẩn dụ

**Chọn đáp án: D**

**Câu 2:** Nghĩa của từ “*ngênh ngang*” là gì ?



- A. ở trạng thái lắc lư, nghiêng ngả như trực ngã.  
B. Tỏ ra không kiêng sợ gì ai, ngang nhiên làm những việc biết rằng mọi người có thể phản đối.  
C. Không chịu theo ai cả mà cứ theo mình, dù có biết là sai trái đi nữa.  
D. Tỏ ra tự đắc, coi thường mọi người bằng những thái độ, lời nói gây cảm giác khó chịu.

**Chọn đáp án: B**

**Câu 3:** Từ nào có thể thay thế từ “ngênh ngang” trong câu “Ngó thấy sứ giặc đi lại ngênh ngang ngoài đường...”?

- A. Hiên ngang  
B. Ngật ngưỡng  
C. Thất thủ  
D. Ngông nghênh

**Chọn đáp án: D**

**Câu 4:** Trong Hịch tướng sĩ, Trần Quốc Tuấn đã vận dụng sáng tạo kết cấu chung của thể hịch như thế nào?

- A. Không nêu phần đặt vấn đề riêng.  
B. Không nêu truyền thống vẻ vang trong sử sách.  
C. Không nêu giải pháp và lời kêu gọi chiến đấu.  
D. Cả A, B, C đều sai.

**Chọn đáp án: A**

**Câu 5:** Đoạn văn nào thể hiện rõ nhất lòng yêu nước, căm thù giặc của Trần Quốc Tuấn?

- A. Ta thường tới bữa quên ăn, nửa đêm vỗ gối; ruột đau như cắt, nước mắt đầm đìa; chỉ căm tức chưa xả thịt lột da, nuốt gan uống máu quân thù. Dẫu cho trăm thân ta phơi ngoài nội cỏ, nghìn xác ta gói trong da ngựa, ta cũng vui lòng.  
B. Giặc với ta là kẻ thù không đội trời chung, các ngươi cứ điềm nhiên không biết rửa nhục, không lo trừ hung, không dậy quân sĩ; chẳng khác nào quay mũi giáo mà chịu đầu hàng, gior tay không mà chịu thua giặc...  
C. Chẳng những thái ấp của ta không còn, mà bổng lộc các ngươi cũng mất; chẳng những gia quyến của ta bị tan, mà vợ con các ngươi cũng khốn; chẳng những xã tắc tổ tông ta bị giày xéo, mà phần mộ cha mẹ các ngươi cũng bị quật lên...  
D. Từ xưa các bậc trung thần nghĩa sĩ bỏ mạng vì nước, đời nào không có? Giả sử các bậc đó cứ khur khur theo thói nữ nhi thường tình, thì cũng chết già ở xó cửa, sao có thể lưu danh sử sách, cùng trời đất muôn đời bất hủ được.

**Chọn đáp án: A**

**Câu 6:** Trần Quốc Tuấn sử dụng giọng văn nào để phê phán những hành động sai trái của các tướng sĩ dưới quyền?

- A. Nhẹ nhàng thân tình.      C. Mạt sát thậm tệ.

B. Nghiêm khắc, nặng nề. D. Bông đùa, hóm hỉnh.

**Chọn đáp án: B**

**Câu 7:** Trần Quốc Tuấn yêu cầu các tướng lĩnh phải thực hiện điều gì ?

- A. Hành động đề cao bài học cảnh giác.
- B. Chăm chỉ huấn luyện cho quân sĩ, tập dượt cung tên.
- C. Tích cực tìm hiểu cuốn sách: “Bình thư yếu lược”.
- D. Gồm cả A, B và C.

**Chọn đáp án: D**

**Câu 8:** Bày tỏ niềm tự hào về truyền thống đấu tranh chống giặc ngoài xâm của dt ta bằng một đoạn văn ngắn từ 6-8 dòng.

**Bước 2:** HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS thực hiện trả lời câu hỏi

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**

- GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV nhận xét, đánh giá

## **D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học hoàn thành bài trắc nghiệm về văn bản Hịch tướng sĩ

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành nhiệm vụ

**c. Sản phẩm học tập:** Bài làm của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1:** GV chuyên giao nhiệm vụ học tập

*Ngày nay, loại văn bản nào có mục đích và nội dung tương tự hịch? Theo em, khi nào thì người ta viết loại văn bản như thế*

### **\* HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

#### **1. Bài cũ:**

- Ghi nhớ các kiến thức về: tri thức Ngữ Văn, tác giả, tác phẩm, nội dung và nghệ thuật
- Hoàn thành các bài tập trong phần luyện tập và vận dụng

#### **2. Bài mới:**

- Chuẩn bị bài “Nước Đại Việt ta ” theo định hướng câu hỏi trong SGK

Ngày soạn: 07/12/2024	Tiết PPCT	Ngày dạy	19/12/2024	23/12/2024
	58,59	Lớp	8C	8C
		Tiết (TKB)	2	3

**Bài 5 - Tiết 58-59: Đọc hiểu văn bản****NƯỚC ĐẠI VIỆT TA***(Trích Đại cáo bình Ngô)*

NGUYỄN TRÃI

**I. MỤC TIÊU****1. Kiến thức**

- Những nét tiêu biểu về cuộc đời và sự nghiệp văn chương của nhà văn Nguyễn Trãi
- Những nét chung về văn bản “Đại cáo bình Ngô”
- + Hiểu sơ giản về thể cáo.
- + Nắm được hoàn cảnh lịch sử liên quan đến sự ra đời của “Đại cáo bình Ngô”.
- + Hiểu được nội dung tư tưởng tiến bộ của Nguyễn Trãi về đất nước, dân tộc.
- + Nắm được đặc điểm văn chính luận của “Đại cáo bình Ngô”

**2. Năng lực**

- Phát triển năng lực ngôn ngữ và năng lực hợp tác qua hoạt động nhóm và trình bày sản phẩm học tập.
- Phát hiện, phân tích đặc điểm nổi bật về nghệ thuật, tư tưởng của bài cáo.
- Cảm nhận được ý nghĩa nhân văn sâu sắc của bài cáo.

**3. Phẩm chất:** Tiết học góp phần bồi dưỡng phẩm chất trách nhiệm với đất nước, biết phát huy truyền thống yêu nước, lòng tự hào dân tộc.

**4. Giáo dục ANQP**

- HS thấy được tinh thần chiến đấu dũng cảm của tướng sĩ trong các cuộc kháng chiến chống giặc ngoại xâm

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Thiết bị: Máy tính, máy chiếu...
- Học liệu: Video, hình ảnh, phiếu học tập có liên quan đến nội dung của tiết học.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC****1. HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu:** HS xác định được nội dung chính của tiết học qua việc huy động kiến thức nền từ việc quan sát video.

**b. Nội dung:**

**GV** sử dụng KT đặt câu hỏi để hỏi HS, sau đó kết nối với nội dung của tiết đọc – hiểu văn bản.

**HS** quan sát hình ảnh, suy nghĩ cá nhân và trả lời câu hỏi của giáo viên.

**c. Sản phẩm:**

- HS nói được nội dung của những hình ảnh qua video.
- Học sinh nêu cảm nhận.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

GV: Các em chú ý quan sát những hình ảnh và cho cô biết:

1. Từ nội dung của video, em nhận thấy bản chất và dã tâm nào của kẻ xâm lược?
2. Em có nhận xét gì về nghĩa quân Lam Sơn đánh giặc Minh? Nêu cảm nhận của em qua đoạn video.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

- Quan sát, lắng nghe video và suy nghĩ cá nhân để đưa ra câu trả lời.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

GV mời một vài HS xung phong trả lời câu hỏi.

HS trả lời câu hỏi 1, 2...

**Bước 4: Kết luận, nhận định (GV):**

- Kết nối vào nội dung đọc – hiểu văn bản:.....

**2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**I. Đọc và tìm hiểu chung**

<p><b>Hoạt động 1: Đọc và tìm hiểu chung</b></p> <p><b>a. Mục tiêu:</b> Hiểu được những thông tin cơ bản về tác giả, tác phẩm</p> <p><b>b. Nội dung:</b> HS sử dụng SGK, đọc văn bản và theo dõi thông tin về tác giả, tác phẩm</p> <p><b>c. Sản phẩm học tập:</b> Bài đọc của học sinh</p> <p><b>d. Tổ chức thực hiện:</b></p>	
Hoạt động của thầy và trò	Sản phẩm
<p><b>Bước 1: Giao nhiệm vụ (GV)</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hướng dẫn cách đọc</li> <li>- Yêu cầu HS tóm tắt ngắn gọn văn bản</li> </ul> <p><b>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Yêu cầu HS đọc mẫu</li> <li>- Yêu cầu HS khác nhận xét cách đọc</li> </ul> <p><b>Bước 3: Báo cáo, thảo luận</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS còn lại nghe, nhận xét về cách đọc của bạn</li> </ul> <p><b>Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)</b></p> <p>chốt nội dung tóm tắt và chuyển dẫn sang phần tìm hiểu chung về</p>	<p><b>I. Đọc và tìm hiểu chung</b></p> <p><b>1. Đọc, chú thích</b></p>

<p>văn bản</p> <p><b>2/ Tìm hiểu chung</b></p> <p><b>Bước 1: Giao nhiệm vụ (GV)</b></p> <p>GV yêu cầu HS mở PHT số 1</p> <p>(?) Trình bày những thông tin chính về tác giả Nguyễn Trãi?</p> <p>Năm sinh</p> <p>-Tên hiệu</p> <p>-Quê quán.</p> <p>-Nêu vài nét sơ lược về sự nghiệp sáng tác.</p> <p>-Tác phẩm tiêu biểu</p> <p><b>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</b></p> <p><b>Bước 3: Báo cáo thảo luận</b></p> <p>- Đại diện trình bày thông tin về tác giả Nguyễn Trãi.</p> <p>- Những HS còn lại lắng nghe, theo dõi bạn trình bày, sau đó nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho sản phẩm của bạn.</p> <p><b>Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)</b></p> <p>GV:- Chốt sản phẩm lên màn hình và chuyển dẫn sang nội dung tiếp theo</p> <p><b>II/ Đọc , tìm hiểu chi tiết</b></p>	<p><b>2/ Tìm hiểu chung</b></p> <p><b>a/ Tác giả</b></p> <p><b>b. Tác phẩm</b></p>
<p><b>Nội dung:</b></p> <p><b>GV:</b> Sử dụng kỹ thuật đặt câu hỏi và yêu cầu học sinh (HS) thực hiện nhiệm vụ.</p> <p><b>HS:</b> Chuẩn bị phiếu học tập số 1 ở nhà và thực hiện nhiệm vụ của giáo viên (GV) giao</p>	
<p style="text-align: center;"><b>Hoạt động của thầy và trò</b></p>	<p style="text-align: center;"><b>Sản phẩm</b></p>
<p><b>ab. Tìm hiểu chung về văn bản</b></p> <p><b>Bước 1: Giao nhiệm vụ (GV)</b></p> <p>+ 1 phút HĐ cá nhân: xem lại PHT đã chuẩn bị.</p> <p>+ 2 phút tiếp theo: trao đổi, chia sẻ để thống nhất nội dung trong PHT số 2.</p> <p><b>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</b></p> <p><b>HS:</b> Đọc PHT số 2 của bạn và đánh dấu nội dung khác biệt để trao đổi.</p> <p><b>Bước 3: Báo cáo thảo luận</b></p> <p>- Đại diện cặp đôi trình bày từng nội dung trong PHT số 2.</p> <p>- Những cặp đôi còn lại lắng nghe, theo dõi bạn trình bày, sau đó nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho sản phẩm cặp đôi của</p>	<p><b>2/Tác phẩm</b></p> <p>- Hoàn cảnh sáng tác: Đầu năm 1428 cuộc kháng chiến chống giặc Minh xâm lược của nhân dân ta hoàn toàn thắng lợi.</p> <p>- “Bình Ngô đại cáo” đã được Nguyễn Trãi thay mặt Lê Lợi soạn thảo và công bố ngày 17 tháng Chạp năm Đinh Mùi (đầu năm 1428).</p> <p>- Thể cáo.</p>

<p>bạn.</p> <p><b>Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)</b></p> <p>- Nguyễn Trãi (1380 -1442) hiệu là Úc Trai, con của Nguyễn Phi Khanh, quê gốc ở thôn Chi Ngại, xã Cộng Hoà, huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương, sau dời đến làng Nhị Khê huyện Thường Tín, tỉnh Hà Tây. ông tham gia khởi nghĩa lam Sơn và có vai trò rất lớn bên Lê Lợi. Nguyễn Trãi trở thành 1 nhân vật lịch sử lỗi lạc, toàn tài hiếm có. Nhưng cuối cùng ông đã bị giết hại rất oan khốc và thảm thương vào năm 1442. Mãi đến năm 1464, mới được vua Lê Thánh Tông giải oan.</p> <p>Nguyễn Trãi để lại 1 sự nghiệp văn chương đồ sộ ông là người VN đầu tiên được UNESCO công nhận là danh nhân văn hoá thế giới (năm 1980).</p> <p>- - Bố cục của bài cáo gồm 4 phần lớn (như kết cấu chung của thể cáo): phần đầu nêu luận đề chính nghĩa, phần 2 lập bảng cáo trạng tội ác của giặc Minh, phần 3 phản ánh quá trình cuộc khởi nghĩa Lam Sơn từ những ngày đầu gian khổ đến khi tổng khởi nghĩa thành công, phần 4 là lời tuyên bố kết thúc, khẳng định nền độc lập vững chắc, đất nước mở ra một kỉ nguyên mới đồng thời nêu lên bài học lịch sử.</p> <p><b>Chuyển dẫn:</b> ....</p>	<p>- Cáo: thể văn chính luận có tính chất quy phạm chặt chẽ thời trung đại, có chức năng công bố kết quả một sự nghiệp của vua chúa hoặc thủ lĩnh; có bố cục bốn phần.</p> <p>So sánh thể cáo, hịch</p> <p>- Giống: thể văn nghị luận cổ, thường dùng văn biên ngẫu, được vua chúa hoặc thủ lĩnh dùng.</p> <p>- Khác nhau về chức năng:...</p> <p>Văn bản “Bình Ngô đại cáo” được coi là bản tuyên ngôn độc lập của nước ta.</p> <p>Đoạn trích nằm ở phần đầu của văn bản.</p> <p>- Phương thức biểu đạt chính: Nghị luận.</p> <p>- Bố cục: 3 phần</p> <p>P1: Hai câu đầu: Nêu nguyên lí nhân nghĩa.</p> <p>P2: 8 câu tiếp: chân lí về sự tồn tại độc lập và chủ quyền của dân tộc.</p> <p>P3: còn lại: sức mạnh của nguyên lí nhân nghĩa và sức mạnh của chân lí độc lập dân tộc.</p>
<p><b>II. Đọc- Hiểu văn bản.</b></p>	
<p><b>1. Hệ thống luận điểm, lí lẽ, bằng chứng</b></p>	
<p><b>Luận điểm 1. Nguyên lí nhân nghĩa</b></p>	
<p><b>a. Mục tiêu:</b></p>	
<p>+ Thấy được ý nghĩa tuyên ngôn độc lập của dân tộc ta ở thế kỷ XV và bước đầu hiểu được một vài nét đặc sắc nghệ thuật của Bình Ngô đại cáo qua đoạn trích đầu tiên sức thuyết phục</p>	

của nghệ thuật văn chính luận của Nguyễn Trãi; lập luận chặt chẽ, sự kết hợp giữ lí lẽ và thực tiễn.

+ Nhận ra và hiểu được sức thuyết phục của nghệ thuật văn chính luận của tác giả.

+ Lập luận chặt chẽ, sự kết hợp giữa lí lẽ và thực tiễn.

**b. Phương thức thực hiện:** Hoạt động cá nhân, cặp đôi, hoạt động nhóm.

**c. Sản phẩm hoạt động:** câu trả lời, phiếu học tập của nhóm

**d. Phương án kiểm tra, đánh giá**

- Học sinh tự đánh giá.

- Học sinh đánh giá lẫn nhau.

- Giáo viên đánh giá.

Tổ chức thực hiện	Sản phẩm
<p><b>Bước 1: Giao nhiệm vụ (GV)</b></p> <p>1. Em hiểu <i>nhân nghĩa</i> ở đây ntn? Cốt lõi tư tưởng ấy trong bài cáo là gì?</p> <p>2. Em hiểu thế nào “yên dân”, “trừ bạo”? Dân ở đây là ai? Kẻ bạo ngược là ai? Qua đó cho ta hiểu tư tưởng nhân nghĩa mà Nguyễn Trãi muốn nói ở đây là gì</p> <p><b>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ (HS)</b></p> <p>- <i>Học sinh:</i> thảo luận cặp đôi.</p> <p>- <i>Giáo viên:</i> quan sát, hỗ trợ hs</p> <p><b>Bước 3: Báo cáo, thảo luận</b></p> <p>- Yêu cầu đại diện nhóm trình bày sản phẩm</p> <p>- Yêu cầu các nhóm còn lại nhận xét và bổ sung cho sản phẩm của nhóm bạn (nếu cần).</p> <p>- <b>Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)</b></p> <p>- Nhận xét câu trả lời/sản phẩm học tập và nhận xét của cá nhân/nhóm HS.</p> <p>- Chốt, bình và chuyển dẫn sang nội dung tiếp theo.</p> <p><b>Gv:</b> Như vậy... Nguyễn Trãi nhân nghĩa không chỉ trong quan hệ giữa người với người mà còn trong quan hệ dân tộc với dân tộc -&gt; Đây chính là sự phát triển tư tưởng nhân nghĩa của Nguyễn Trãi so với Nho giáo.</p>	<p><b>Luận điểm 1. Nguyên lí nhân nghĩa</b></p> <p>* Nhân nghĩa:</p> <p>+ Yên dân: làm cho dân sống yên ổn, hạnh phúc.</p> <p>+ Trừ bạo: trừ diệt giặc Minh xâm lược.</p> <p>-&gt; Gắn liền với yêu nước, chống xâm lược.</p> <p>=&gt; Cuộc kháng chiến chính nghĩa, phù hợp với lòng dân.</p>
<p align="center"><b>2. Khẳng định chủ quyền, độc lập dân tộc:</b></p> <p><b>Mục tiêu:</b> Tìm hiểu về sự khẳng định chủ quyền, độc lập dân tộc trong văn bản.</p> <p><b>Nội dung:</b></p> <p><b>GV</b> sử dụng kĩ thuật vấn đáp, kĩ thuật khăn phủ bàn để hướng dẫn HS tìm hiểu về bối cảnh của câu chuyện.</p>	

HS suy nghĩ cá nhân, làm việc nhóm để hoàn thành nhiệm vụ học tập			
Hoạt động thầy và trò	Sản phẩm		
<p><b>2. Khẳng định chủ quyền, độc lập dân tộc:</b></p> <p><b>* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</b></p> <p><b>THẢO LUẬN NHÓM</b> hoàn thành PHT</p> <p>(Dự kiến khó khăn: Nếu HS gặp khó khăn, GV gợi dẫn bằng các câu hỏi nhỏ:</p> <table border="1" style="width: 100%;"> <tr> <td style="width: 50%;">                     -Tác giả đã dựa vào những yếu tố nào để khẳng định chủ quyền độc lập của DT ta?                 </td> <td style="width: 50%;"></td> </tr> </table> <p>- Những chứng cứ này đã tạo nên điều gì? Những chứng cứ đó có sức thuyết phục không?</p> <p>- Tác giả đã sử dụng biện pháp nghệ thuật gì đặc sắc? Tác dụng của nó?</p> <p><b>*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.</b></p> <p>HS:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Hoạt động cá nhân 5 phút, hoàn thành PHT</li> <li>+ Thảo luận nhóm, thống nhất ý kiến, hoàn thành sản phẩm nhóm 5 phút.</li> <li>+ Cử đại diện chuẩn bị báo cáo sản phẩm.</li> </ul> <p><b>Bước 3: Báo cáo, thảo luận</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đại diện các nhóm báo cáo kết quả và bổ sung cho nhau.</li> </ul>	-Tác giả đã dựa vào những yếu tố nào để khẳng định chủ quyền độc lập của DT ta?		<p><b>Luận điểm 2: 2. Khẳng định chủ quyền, độc lập dân tộc:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quyền độc lập:</li> <li>+ Quốc hiệu</li> <li>+ Nền văn hiến lâu đời.</li> <li>+ Lãnh thổ riêng</li> <li>+ Phong tục riêng</li> <li>+ Lịch sử riêng</li> <li>+ Chế độ, chủ quyền riêng</li> <li>+ Nhân tài</li> </ul> <p>-&gt; Tạo nên sức mạnh của chính nghĩa.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- NT: Liệt kê, so sánh đối lập</li> </ul> <p>=&gt; Nước Đại Việt tồn tại là hiển nhiên, như 1 chân lí khách quan.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- NT: sử dụng câu văn biến ngẫu, so sánh...</li> </ul> <p>-&gt; Khẳng định chủ quyền dân tộc tồn tại như một chân lí.</p>
-Tác giả đã dựa vào những yếu tố nào để khẳng định chủ quyền độc lập của DT ta?			
<p><b>Gv: so sánh đối chiếu với Nam Quốc sơn hà của Lí thường Kiệt</b></p> <p><b>Chuyển ý:</b> Và để minh chứng rõ hơn, để khẳng định độc lập chủ quyền của dân tộc ta là do sức mạnh chính nghĩa, N.Trãi đã kể ra một loạt những chứng cứ lịch sử thật tiêu biểu.</p>			
<p><b>3. Những chứng cứ lịch sử:</b></p>			
<p><b>* Mục tiêu :</b> HS nắm được sức mạnh của những chứng cứ lịch sử khẳng định sự thất bại của kẻ thù</p> <p><b>* Nhiệm vụ:</b> HS thực hiện yêu cầu của GV.</p> <p><b>* Phương thức thực hiện:</b> HĐ chung, cặp đôi</p> <p><b>* Yêu cầu sản phẩm:</b> vở ghi HS.</p>			
Hoạt động thầy và trò	Sản phẩm		



<p><b>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ theo nhóm lớn</li> <li>? Nguyễn Trãi đã dẫn ra những sự kiện và chứng cứ lịch sử nào?</li> <li>? Kết quả của các sự kiện đó?</li> <li>? Việc dẫn ra một loạt các chứng cứ như trên nhằm mục đích gì?</li> <li>? Sức mạnh ấy, lòng tự hào ấy đã được thể hiện qua biện pháp nghệ thuật nào?</li> <li>? Hai câu cuối của trích đoạn này tiếp tục khẳng định với chúng ta điều gì?</li> <li>? Từ nội dung VB “Nước Đại Việt ta”, em hiểu được điều gì về tác giả Nguyễn Trãi?</li> </ul> <p><b>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ (HS)</b></p> <p>GV hướng dẫn HS đọc đoạn cuối và tìm chi tiết.</p> <p>HS đọc SGK, tìm chi tiết theo nhóm bàn</p> <p><b>Bước 3: Báo cáo, thảo luận</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đại diện trả lời câu hỏi</li> <li>- HS còn lại lắng nghe, nhận xét và bổ sung cho câu trả lời của bạn (nếu cần).</li> </ul> <p><b>Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)</b></p>	<p><b>Luận điểm 3: . Những chứng cứ lịch sử:</b></p> <p><b>*Những chứng cứ lịch sử:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Lưu Cung-&gt; thất bại</li> <li>- Triệu Tiết-&gt; tiêu vong</li> <li>- Toa Đô-&gt; bắt sống</li> <li>- Ô Mã-&gt; giết tươi</li> </ul> <p>-&gt; Khẳng định sức mạnh của chính nghĩa, của độc lập, chủ quyền và lòng tự hào dân tộc.</p> <p>- NT: Sử dụng câu văn biền ngẫu, lập luận chặt chẽ, chứng cứ hùng hồn.</p>
<p><b>Hoạt động 5: Tổng kết</b></p> <p><b>Mục tiêu:</b> Nêu được những đặc sắc trong cách kết thúc vấn đề của tác giả.</p> <p><b>Nội dung:</b> Hoạt động cá nhân, thực hiện nhiệm vụ.</p> <p><b>Sản phẩm:</b> Câu trả lời của HS.</p> <p><b>Tổ chức thực hiện:</b></p>	
<p style="text-align: center;"><b>Tổ chức thực hiện</b></p> <p><b>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</b></p> <p>* Yêu cầu HS đọc thầm đoạn cuối:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu được những đặc sắc trong cách kết thúc vấn đề của tác giả.</li> </ul> <p><b>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ HS: hoạt động cá nhân</li> <li>+ Gv: quan sát, giúp đỡ, nhắc nhở HS</li> </ul> <p><b>Bước 3: Báo cáo, thảo luận</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Học sinh đứng tại chỗ trả lời</li> <li>+ Giáo viên: hướng dẫn, nghe Hs trình bày.</li> </ul>	<p style="text-align: center;"><b>Sản phẩm</b></p> <p><b>III. Tổng kết</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghệ thuật: Đoạn đầu bài cáo so sánh đối lập từ khái quát đến cụ thể, giàu chứng cứ lịch sử, cảm xúc tự hào, giọng thơ hào hùng, lời văn nhịp nhàng ngân vang.</li> <li>- Nội dung: Nước ta có độc lập chủ quyền có vua riêng, địa lí riêng, không chịu khuất phục trước quân thù. Có bề dày l.sử đấu tranh bảo vệ</li> </ul>

<p><b>Bước 4: Kết luận, nhận định</b> + Giáo viên nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.</p>	<p>độc lập dân tộc, một nền độc lập dân tộc được xây dựng trên cơ sở nhân nghĩa</p>
--	---

**3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

- a. Mục tiêu:** HS khái quát lại nội dung bài học thông qua hệ thống câu hỏi và bài tập.
- b. Nội dung hoạt động:** HS thảo luận, hoàn thành phiếu học tập.
- c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.
- d. Tổ chức thực hiện:**
  - GV phát phiếu học tập cho HS, yêu cầu HS tự hoàn thành BT.

Tổ chức thực hiện	Sản phẩm									
<p><b>*Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</b> - GV: Hãy so sánh hai văn bản “Sông núi nước Nam” Lý Thường Kiệt và “Nước Đại Việt ta” Nguyễn Trãi? - Hs: tiếp nhận</p> <p><b>* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</b> - Học sinh: làm việc cá nhân - Giáo viên: quan sát hs làm việc, hỗ trợ khi cần thiết - Dự kiến sản phẩm:....</p> <table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <thead> <tr> <th style="width: 15%;">So sánh</th> <th style="width: 20%;">Sông núi nước Nam</th> <th style="width: 65%;">Nước Đại Việt ta</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Nước có chủ quyền</td> <td>Vua Nam ở</td> <td>Văn hiến. Cương vực lãnh thổ. Phong tục tập quán. Lịch sử. Chế độ. Văn hiến. Phong tục tập quán. Lịch sử. Chế độ.</td> </tr> <tr> <td>Sức mạnh của nhân nghĩa</td> <td>Bị đánh toi bời</td> <td>Lưu Cung, Triệu Tiết, Toa Đô, Ô Mã đều chuốc lấy bại vong.</td> </tr> </tbody> </table> <p><b>*Bước 3: Báo cáo kết quả:</b> Hs: trình bày miệng</p> <p><b>* Bước 4: Đánh giá kết quả:</b> - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá -&gt;Giáo viên chốt kiến thức</p>	So sánh	Sông núi nước Nam	Nước Đại Việt ta	Nước có chủ quyền	Vua Nam ở	Văn hiến. Cương vực lãnh thổ. Phong tục tập quán. Lịch sử. Chế độ. Văn hiến. Phong tục tập quán. Lịch sử. Chế độ.	Sức mạnh của nhân nghĩa	Bị đánh toi bời	Lưu Cung, Triệu Tiết, Toa Đô, Ô Mã đều chuốc lấy bại vong.	
So sánh	Sông núi nước Nam	Nước Đại Việt ta								
Nước có chủ quyền	Vua Nam ở	Văn hiến. Cương vực lãnh thổ. Phong tục tập quán. Lịch sử. Chế độ. Văn hiến. Phong tục tập quán. Lịch sử. Chế độ.								
Sức mạnh của nhân nghĩa	Bị đánh toi bời	Lưu Cung, Triệu Tiết, Toa Đô, Ô Mã đều chuốc lấy bại vong.								

**4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

- a. Mục tiêu:** HS hiểu được kiến thức trong bài học để vận dụng vào thực tế.
- b. Nội dung:** HS làm việc cá nhân, đưa ra suy nghĩ, cảm nhận của bản thân về một vấn đề GV đặt ra.

<b>c. Sản phẩm:</b> Đoạn văn của học sinh.	
<b>d. Tổ chức thực hiện:</b>	
Tổ chức thực hiện	Sản phẩm
<p><b>*Bước 1: GV giao nhiệm vụ:</b>          Hãy viết một đoạn văn (khoảng 5- câu) trình bày cảm nhận sau khi học xong văn bản.</p> <p><b>* Bước2: Thực hiện nhiệm vụ:</b> HS hoạt động cá nhân hoàn thành sản phẩm ở nhà</p> <p><b>* Bước3: Báo cáo, thảo luận:</b> GV khuyến khích HS chia sẻ sản phẩm trên lớp</p> <p><b>* Bước4: Kết luận, nhận định:</b>          GV biểu dương các sản phẩm chia sẻ.</p>	

**\* HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

**1. Bài cũ:**

- Ghi nhớ các kiến thức về: tác giả, tác phẩm, nội dung và nghệ thuật
- Hoàn thành các bài tập trong phần luyện tập và vận dụng

**2. Bài mới:**

- Chuẩn bị bài “Thực hành TV: Từ Hán Việt...” theo định hướng câu hỏi trong SGK

Ngày soạn: 07/12/2024	Tiết PPCT	Ngày dạy	25/12/2024	26/12/2024
	60,61	Lớp	8C	8C
		Tiết (TKB)	2	1

**BÀI 5- TIẾT 60,61: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT  
TỪ HÁN VIỆT, THÀNH NGỮ, TỤC NGỮ**

### I. Mục tiêu

#### 1. Về kiến thức:

- Hiểu nghĩa và tác dụng của thành ngữ, tục ngữ, các yếu tố Hán Việt trong văn bản.
- Vận dụng được trong luyện tập viết và nói.

#### 2. Về năng lực;

*a. Năng lực chung: Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...*

*b. Năng lực riêng*

- Kỹ năng nhận biết, hiểu nghĩa và tác dụng của từ Hán Việt, thành ngữ, tục ngữ trong văn bản.
- Kỹ năng viết và nói có sử dụng từ Hán Việt.

#### 3. Về phẩm chất:

- *Chăm chỉ:* HS có ý thức vận dụng bài học vào các tình huống, hoàn cảnh thực tế đời sống của bản thân.
- *Trách nhiệm:* Làm chủ được bản thân trong quá trình học tập, có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

### II. Thiết bị dạy học và học liệu

- Máy tính, máy chiếu
- Phiếu học tập, bảng phụ A0
- Tranh ảnh, video có liên quan đến nội dung tiết học

### III. Tiến trình dạy học

#### 1. Hoạt động 1: Khởi động

a) Mục tiêu: Giúp học sinh huy động những hiểu biết về từ Hán Việt, thành ngữ, tục ngữ đã học để kết nối vào bài học, tạo tâm thế hào hứng cho học sinh và nhu cầu tìm hiểu.

b) Nội dung: HS chơi trò chơi: “Nhìn hình đoán thành ngữ, tục ngữ”

c) Sản phẩm: HS tham gia trò chơi bằng cách trả lời nội dung các hình ảnh theo nhóm

*Nhất nước, nhì phân, tam cần, tứ giống*

*Khẩu phật tâm xà*

d) Tổ chức thực hiện:

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

- GV tổ chức cho HS chơi trò chơi “Nhìn hình đoán thành ngữ, tục ngữ”:

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** Các đội chơi chia nhóm, quan sát hình ảnh, tìm ra nội dung và sắp xếp vào bảng phụ theo thời gian quy định.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** 3 đội trình bày kết quả lên bảng, cử mỗi nhóm 1 đại diện chấm chéo bài của nhóm bạn theo đáp án GV trình chiếu.

**Bước 4: Kết luận, nhận định:**

- GV hỏi thêm HS: phát hiện các thành ngữ, tục ngữ là từ Hán Việt, thành ngữ, tục ngữ là từ thuần Việt.

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

<b>Tri thức tiếng Việt</b>	
<p><b>Mục tiêu: Giúp HS</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nắm vững tri thức về thành ngữ, tục ngữ, từ Hán Việt</li> </ul> <p><b>Nội dung:</b> GV sử dụng KT vấn đáp để hỏi phần tri thức tiếng Việt</p>	
<b>Tổ chức thực hiện</b>	<b>Sản phẩm</b>
<p><b>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)</b></p> <p>(?) Dựa vào phần chuẩn bị bài ở nhà, em hãy nhắc lại các kiến thức đã học về từ Hán Việt, thành ngữ, tục ngữ.</p> <p>(?) Phân biệt sự khác nhau giữa thành ngữ và tục ngữ</p> <p><b>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</b></p> <p>HS dựa vào phần Tri thức Ngữ văn trong SGK, dựa vào PHT số 1 đã chuẩn bị ở nhà để chuẩn bị nội dung trả lời.</p> <p><b>Bước 3: Báo cáo, thảo luận</b></p> <p><b>GV:</b> Gọi đại diện HS trả lời</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đại diện trả lời câu hỏi</li> <li>- Các HS còn lại quan sát, lắng nghe, nhận xét và bổ sung cho câu trả lời của bạn (nếu cần).</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Từ Hán Việt:</b> là từ mượn tiếng Hán</li> <li>- <b>Thành ngữ:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Thành ngữ là loại cụm từ có cấu tạo cố định, biểu thị một ý nghĩa hoàn chỉnh.</li> <li>+ Nghĩa của thành ngữ có thể bắt nguồn trực tiếp từ nghĩa đen của các từ tạo nên nó nhưng thường thông qua một số phép chuyển nghĩa như ẩn dụ, so sánh...</li> </ul> </li> <li>- <b>Tục ngữ:</b> là những câu nói dân gian ngắn gọn, hàm súc, thường có vần điệu, có hình ảnh, nhằm đúc kết kinh nghiệm về thế giới tự nhiên và đời sống con người.</li> </ul>

<p><b>Bước 4: Kết luận, nhận định</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV nhận xét câu trả lời của HS</li> <li>- Chốt kiến thức và chuyển sang phần thực hành bài tập.</li> </ul>	
---	--

<b>THỰC HÀNH</b>	
<p><b>Mục tiêu: Giúp HS</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hiểu nghĩa và tác dụng của thành ngữ, tục ngữ, các yếu tố Hán Việt trong văn bản.</li> <li>- Vận dụng được trong luyện tập viết và nói.</li> </ul> <p><b>Nội dung:</b> GV sử dụng các hình thức cá nhân và nhóm để hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ/bài tập</p>	
<b>Tổ chức thực hiện</b>	<b>Sản phẩm</b>
<p><b>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV chia lớp thành 6 nhóm nhỏ, giao nhiệm vụ cho các nhóm</li> <li>+ Nhóm 1,2,3: làm bài tập 1</li> <li>+ Nhóm 4,5,6: làm bài tập 2</li> <li>- Mời đại diện nhóm đọc đề bài 1,2.</li> <li>- GV phát bảng phụ, bút dạ cho các nhóm</li> <li>- Thời gian thực hiện: 7 phút</li> </ul> <p><b>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS chia nhóm, thực hiện nhiệm vụ</li> <li>- GV hướng dẫn HS (nếu gặp khó khăn)</li> </ul> <p><b>Bước 3: Báo cáo, thảo luận</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV mời đại diện mỗi bài 1 nhóm lên trình bày</li> <li>- Các nhóm còn lại căn cứ vào bài làm của mình để nhận xét bài của bạn</li> </ul> <p><b>Bước 4: Kết luận, nhận định</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV đánh giá kết quả chung và ý thức làm bài của HS</li> <li>- GV hỏi thêm HS:</li> <li>(?) Quan sát các từ Hán Việt trong bài tập 1 và thành ngữ tìm được trong bài tập 2, em hãy cho cô biết nghĩa của các từ ghép Hán Việt trên được hình thành bằng cách nào?</li> <li>+ Nghĩa của các từ ghép Hán Việt được hiểu theo</li> </ul>	<p>Bài tập 1:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các từ ghép Hán Việt là: trung thần nghĩa sĩ, lưu danh sử sách, binh thư yếu lược.</li> <li>- Nghĩa của các từ ghép Hán Việt và nghĩa của các thành tố:</li> </ul> <p>Bài tập 2: Các thành ngữ là:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a) Êm ấm gối chăn: cuộc sống ấm êm, không thiếu thốn vật chất.</li> <li>Bách niên giai lão: cùng sống với nhau đến trăm tuổi.</li> <li>b) danh chính ngôn thuận: danh nghĩa chính đáng thì lời nói dễ được người khác nghe theo.</li> <li>c) Chiêu binh mãi mã: Chuẩn bị, rèn luyện lực lượng quân sự để sẵn sàng chiến đấu.</li> <li>d) trung quân ái quốc: trung với vua là yêu nước.</li> </ul>

cách tổng hợp nghĩa của các yếu tố cấu tạo nên nó. .	Bài 3: Nói:
---	-------------

**HOẠT ĐỘNG 3: Vận dụng**

- a) Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học vào bài tập viết đoạn và trình bày trước lớp
- b) Nội dung: HS hoạt động cá nhân viết đoạn theo yêu cầu
- c) Sản phẩm: Đoạn văn đảm bảo yêu cầu của đề bài
- d) Tổ chức thực hiện:

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

- GV yêu cầu HS làm bài 4/SGK: viết đoạn văn 5-7 dòng nêu cảm nghĩ của em sau khi học văn bản “Hịch tướng sĩ” của Trần Quốc Tuấn, trong đó có sử dụng ít nhất 2 từ Hán Việt, giải nghĩa từ Hán Việt đã sử dụng.
- GV yêu cầu HS phân tích đề trước khi làm bài:
  - + Yêu cầu về hình thức: đoạn văn 5-7 dòng
  - + Yêu cầu về nội dung: nêu cảm nghĩ của em sau khi học văn bản “Hịch tướng sĩ” của Trần Quốc Tuấn, trong đó có sử dụng ít nhất 2 từ Hán Việt, giải nghĩa từ Hán Việt đã sử dụng.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân ở nhà

**Bước 3: Báo cáo qua zalo****\* HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ****1. Bài cũ:**

- Ghi nhớ các kiến thức về: tri thức TV
- Hoàn thành các bài tập trong phần luyện tập và vận dụng

**2. Bài mới:**

- Chuẩn bị bài “Chiếu dời đô” theo định hướng câu hỏi trong SGK

Ngày soạn: 07/12/2024	Tiết PPCT	Ngày dạy	26/12/2024
	62	Lớp	8C
		Tiết (TKB)	2

**BÀI 5 - TIẾT 62: THỰC HÀNH ĐỌC-HIỂU**  
**CHIẾU DỜI ĐỒ**  
**(Lý Công Uẩn)**

## I. MỤC TIÊU

### 1. Kiến thức

- HS nhận biết được các đặc điểm của thể chiếu
- HS chỉ ra và phân tích được hệ thống các luận điểm, lí lẽ, bằng chứng được tác giả dùng để thuyết phục người đọc việc dời đô từ Hoa Lư về Đại La

### 2. Năng lực

#### a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

#### b. Năng lực riêng biệt

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa văn bản

### 3. Phẩm chất:

- Yêu nước, tự hào dân tộc

### 4. Giáo dục ANQP

- HS thấy được tầm nhìn chiến lược của Vua Lý Công Uẩn về quân sự

## II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

### 1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Giáo án;
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

### 2. Chuẩn bị của học sinh: SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

## III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

### A. KHỞI ĐỘNG

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình từ đó HS khắc sâu kiến thức nội dung bài *Chiếu dời đô*

**b. Nội dung:** GV cho học sinh xem video giới thiệu về nhà Lý



**c. Sản phẩm:** HS quan sát video

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV chiếu video: <https://youtu.be/Vt3MKmcPVpY>

- Nhận xét vị trí lịch sử và địa lí của vùng đất Hoàng thành Thăng Long và Cố đô Hoa Lư sau khi quan sát tranh.

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS quan sát video

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**

- HS theo dõi video, nêu cảm nhận.

**Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV nhận xét, khen ngợi HS.

- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới

## B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

**Hoạt động 1: Đọc văn bản**

**a. Mục tiêu:** Nắm được những thông tin cơ bản về tác giả, tác phẩm

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, đọc văn bản và theo dõi thông tin về tác giả, tác phẩm

**c. Sản phẩm học tập:** Bài đọc của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
- GV yêu cầu HS đọc văn bản <b>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</b> <b>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập</b> - HS theo dõi văn bản <b>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận</b> - GV đưa thông tin về tác giả tác phẩm lên bảng <b>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</b> - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. 1. Cho biết hoàn cảnh ra đời của văn bản. 2. Văn bản được viết theo thể loại nào? 3. Văn bản được viết ra nhằm mục đích gì? 4. Đối tượng thuyết phục của văn bản là ai? 5. Xác định bố cục và nội dung từng phần của văn bản. a, Hoàn cảnh sáng tác: - Năm 1010, Lí Công Uẩn quyết định dời đô từ Hoa Lư ra Đại	<b>I. Đọc, Tìm hiểu chung</b> <b>1/ Đọc, chú thích</b> <b>2/ Tìm hiểu chung</b> <b>1. Tác giả</b> - Lí Công Uẩn (974-1028), tức Lí Thái Tổ, người châu Cổ Pháp, Bắc Giang (Từ Sơn, Bắc Ninh). - Là người thông minh, có chí lớn, lập được nhiều chiến công. - Phong cách sáng tác: chủ yếu là đề ban bố mệnh lệnh, thể hiện tư tưởng chính trị lớn lao, có

<p>La. Nhân dịp này ông đã viết bài chiếu để thông báo rộng rãi cho nhân dân biết.</p> <p>b, Thể loại: Chiếu – là một thể văn cổ chức năng, thường dùng bởi các bậc vua chúa trong việc ban bố, cáo lệnh xuống cho người dân. Ở đây, Lí Công uẩn đã sử dụng thể văn này để thể hiện sự tôn trọng của mình đến với người dân, trước khi quyết định một vấn đề liên quan đến vận mệnh của quốc gia, của dân tộc.</p> <p>c, Bố cục : 3 phần</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phần 1: Từ đầu → “không thể không dòi dòi”: Lí do dòi dòi.</li> <li>- Phần 2: Tiếp theo → “để vương muôn đời”: Lí do chọn Đại La làm kinh đô.</li> <li>Phần 3: Còn lại: Quyết định dòi dòi.</li> </ul>	<p>ảnh hưởng đến vận nước.</p> <p><b>2. Tác phẩm</b></p> <p>a, Hoàn cảnh sáng tác:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Năm 1010, Lí Công Uẩn quyết định dời</li> </ul>
--	---

**Hoạt động 2: Tìm hiểu chi tiết**

- a. Mục tiêu:** HS chỉ ra và phân tích được hệ thống các luận điểm, lí lẽ, bằng chứng được tác giả dùng để thuyết phục người đọc việc dời đô từ Hoa Lư về Đại La
- b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến bài học
- c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến bài học
- d. Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p><b>Nhiệm vụ 1:</b></p> <p><b>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV yêu cầu học sinh thảo luận nhóm đôi trả lời các câu hỏi sau:</li> <li>+ Tìm những lí lẽ, bằng chứng Lý Công Uẩn đưa ra để thuyết phục quan lại, nhân dân dời đô</li> <li>- HS tiếp nhận nhiệm vụ.</li> </ul> <p><b>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các nhóm thảo luận, điền vào phiếu học tập.</li> </ul> <p><b>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận</b></p>	<p><b>II. Tìm hiểu chi tiết</b></p> <p><b>1. Hệ thống luận điểm, lí lẽ</b></p> <p><b>Luận điểm 1. Lí do cần dời đô</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Dời đô là việc thường xuyên xảy ra trong lịch sử và đem lại lợi ích lâu dài</li> <li>+ Nhà Thương: 5 lần dời đô</li> <li>+ Nhà Chu: 3 lần dời đô</li> <li>- Mục đích: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Kinh đô được đặt ở một nơi trung tâm của đất trời, phong thủy và khẳng định vị thế</li> <li>+ Thuận lợi cho sự nghiệp, mưu toan việc lớn</li> <li>+ Là nơi thích hợp để có thể tồn tại đất nước, tính kế muôn đời cho con cháu</li> </ul> </li> <li>- Kết quả:</li> </ul>



lí lẽ, bằng chứng được triển khai trong văn bản.

3. Điểm độc đáo của nghệ thuật viết văn nghị luận trung đại được thể hiện như thế nào trong văn bản “Chiếu dời đô”?

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- Các nhóm thảo luận, điền vào phiếu học tập.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**

- GV mời đại diện các nhóm trình bày.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức Ghi lên bảng.

**Nhiệm vụ 3:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV yêu cầu HS làm việc theo cặp, trả lời câu hỏi:

+ Câu hỏi kết thúc văn bản thể hiện điều gì?

+ Văn bản Chiếu dời đô thể hiện sự kết hợp hài hoà giữa lí trí và tình cảm như thế nào?

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS thảo luận theo cặp, suy nghĩ để trả lời.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**

- GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.

biến nhận thức và tâm lí con người. Các bằng chứng phong phú, đa dạng, tiêu biểu, thuyết phục, gắn bó mật thiết, làm sáng tỏ cho lí lẽ, luận điểm.

- Đặc trưng độc đáo của văn học trung đại được sử dụng có hiệu quả trong bài chiếu: Kết cấu nhân – quả chặt chẽ; tính sùng cổ (tám gương trong sử sách); sử dụng ngôn ngữ trang trọng và lối văn biền ngẫu; Từ ngữ trang trọng, uyên bác, giàu tính ước lệ, tượng trưng, có sự kết hợp hài hòa giữa yếu tố lập luận và cảm xúc của người viết.

**3. Sự kết hợp hài hòa giữa lí trí và tình cảm của tác giả**

- Kết lại bài chiếu nhà vua đã viết "Trẫm muốn dựa vào sự thuận lợi của đất ấy để định chỗ ở. Các khanh nghĩ thế nào?", câu hỏi này vừa có ý nghĩa là một mệnh lệnh, bởi vốn dĩ nhà vua đang ban chiếu dời đô, nhưng đồng thời nó cũng mang tính chất tâm tình khi nhà vua có ý muốn hỏi quần thần về ý định của mình. Điều đó thể hiện tấm lòng đức độ, anh minh của Lý Thái Tổ, dù là bậc cửu ngũ chí tôn nhưng vẫn hết lòng trân trọng ý kiến của quần thần, cũng là của nhân dân, đặt nhân dân lên làm gốc để tiến hành các quyết định. Đồng thời cũng bộc lộ mong muốn của Lý Thái Tổ về một đất nước vua tôi đồng lòng, đạt được sự thống nhất, thuận tình trong nhân dân. Có thể nói rằng cách đặt câu hỏi cuối bài đã làm cho bài chiếu trở nên khách quan, thấu tình đạt lý, giữ vững nguyên tắc trên vâng mệnh trời, dưới thuận ý dân, dễ dàng đi sâu vào lòng người đọc, người nghe.

- Trong Chiếu dời đô, Lí Công Uẩn không dùng

	<p>nhiều lời mà hướng đến cái lí sắc bén, thuyết phục lòng người. Điểm cốt yếu là ông viện dẫn cái lí lẽ mà ai cũng thấu rõ, kí thác vào đó sức mạnh của niềm tin. Ông rất lí trí và rõ ràng khi chỉ rõ những mặt lợi, mặt hại của Hoa Lư, nhấn mạnh việc cần rời kinh đô đến nơi phù hợp để đất nước phát triển hơn. Cái tài tình của Lý Công Uẩn là ông đã hiểu rõ lòng dân, nắm vững tâm tư nguyện vọng của bách tính. Thế nên, lời nói tuy hết sức ngắn gọn nhưng lại có sức biểu dương lớn, nhanh chóng thu phục lòng người, đưa cuộc vận động nhanh chóng biến thành hành động cụ thể, hiệu quả ngay sau đó.</p>
<p><b>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</b>          - GV yêu cầu HS khái quát nội dung nghệ thuật của bài và cách đọc hiểu thể loại văn bản nghị luận trung đại.          - HS tiếp nhận nhiệm vụ.</p> <p><b>Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ</b>          - HS thực hiện nhiệm vụ.</p> <p><b>Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận</b>          - HS trả lời câu hỏi          - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.</p> <p><b>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động</b>          - GV nhận xét, đánh giá, chốt          - * Chú ý các đặc trưng nghị luận trung đại: viết bằng chữ Hán hoặc chữ Nôm; vấn đề nghị luận mang tính quốc gia, chính trị; sử dụng từ ngữ trang trọng, uyên bác, giàu tính ước lệ, tượng trưng; câu văn biến ngẫu; tính sùng cổ; kết hợp hài hòa giữa yếu tố lập luận và cảm xúc của người viết.</p>	<p><b>III. Tổng kết</b></p> <p><b>1. Nội dung</b></p> <p><b>2. Nghệ thuật</b></p> <p><b>3. Kỹ năng đọc hiểu văn bản nghị luận xã hội (trung đại)</b></p>

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học về văn bản *Chiếu dời đô*

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành nhiệm vụ:

c. Sản phẩm học tập: HS trình bày câu trả lời

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p><b>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</b></p> <p>- Yêu cầu HS hoàn thành BT sau: Nêu ý nghĩa lịch sử của việc đòi đô của Lý Công Uẩn.</p> <p><b>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập</b></p> <p>- HS thảo luận và trình bày trước lớp</p> <p><b>Bước 3: Báo cáo kết quả</b></p> <p>- GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.</p> <p><b>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</b></p> <p>- GV nhận xét, đánh giá</p>	<p><b>IV. Luyện tập</b></p> <p><b>V. Vận dụng</b></p>

#### D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

##### Bước 1. Chuyển giao

*: Vì sao nói việc “Chiếu dời đô” ra đời phản ánh ý chí độc lập, tự cường và sự phát triển lớn mạnh của dân tộc Đại Việt?*

##### Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS trình bày trước lớp

##### Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận

- GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.

##### Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá

\* Hướng dẫn về nhà: Đọc và soạn văn bản: Nước NV ta nhỏ hay không nhỏ

#### \* HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ

##### 1. Bài cũ:

- Ghi nhớ các kiến thức về: tác giả, tác phẩm, nội dung và nghệ thuật
- Hoàn thành các bài tập trong phần luyện tập và vận dụng

##### 2. Bài mới:

- Chuẩn bị bài “Nước Việt Nam ta nhỏ hay không nhỏ” theo định hướng câu hỏi trong SGK

Ngày soạn: 07/12/2024	Tiết PPCT	Ngày dạy	30/12/2024
	63	Lớp	8C
		Tiết (TKB)	3

## BÀI 5 - TIẾT 63: THỰC HÀNH ĐỌC NƯỚC VIỆT NAM TA NHỎ HAY KHÔNG NHỎ?

(Dương Trung Quốc)

### I. MỤC TIÊU

#### 1. Kiến thức

- Nhận biết được nội dung bao quát; luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu trong văn bản nghị luận.
- Phân tích được mối liên hệ giữa luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng; vai trò của luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong việc thể hiện luận đề, phân biệt được lí lẽ, bằng chứng khách quan (có thể kiểm chứng được) với ý kiến, đánh giá chủ quan của người viết.
- Liên hệ được nội dung nêu trong văn bản với những vấn đề của xã hội đương đại

#### 2. Năng lực

##### a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

##### b. Năng lực riêng biệt

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản *Nước Việt Nam ta nhỏ hay không nhỏ?*
- Năng lực nhận biết được luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong văn bản nghị luận
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa văn bản

#### 3. Phẩm chất:

- Tự hào, biết ơn những người anh hùng dân tộc

#### 4. Giáo dục ANQP

- Giáo dục HS lòng tự hào dân tộc về truyền thống đấu tranh chống giặc ngoại xâm qua các thời kì của ông cha ta trong lịch sử Việt Nam và những thành tựu của thời kì Đổi mới.

### II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

#### 1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Giáo án;
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

### III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

#### A. KHỞI ĐỘNG

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình từ đó HS khắc sâu kiến thức nội dung bài *Nước Việt Nam ta nhỏ hay không nhỏ?*

**b. Nội dung:** HS thể hiện hiểu biết về lịch sử dân tộc

**c. Sản phẩm:** Chia sẻ của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

#### Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV đặt câu hỏi phát vấn: Hãy kể tên một số vị tướng nổi tiếng trong lịch sử nước ta. Theo em, điều gì khiến quân giặc ngoại xâm đem quân xâm lược nước ra đều phải chịu thất bại?

#### Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS tham gia chia sẻ cảm nghĩ

#### Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận

- GV mời 1 – 2 HS chia sẻ về cảm nhận của mình

#### Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới

#### B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

#### Hoạt động 1: Đọc , tìm hiểu chung

**a. Mục tiêu:** Nắm được những thông tin về tác giả, tác phẩm

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến thông tin tác giả, tác phẩm *Nước Việt Nam ta nhỏ hay không nhỏ?*

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến tác giả, tác phẩm *Nước Việt Nam ta nhỏ hay không nhỏ?*

**d. Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<b>1. Đọc</b> <b>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</b> GV hướng dẫn học sinh đọc văn bản <b>Bước 2: Thực hiện</b> <b>1-2 học sinh đọc, học khác chú ý theo dõi</b> Bước 3: Nhận xét GV và học sinh nhận xét bạn đọc	<b>I. Đọc, tìm hiểu chung</b> <b>1. Đọc</b> <b>2. Tìm hiểu chung</b> <b>1. Tác giả</b> <b>2. Tác phẩm</b> <b>a, Hoàn cảnh sáng tác:</b> <b>b, Thể loại: văn nghị luận</b>



<p><b>2. Tìm hiểu chung</b></p> <p><b>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV yêu cầu HS đọc thông tin trong SGK, nêu hiểu biết về tác giả, tác phẩm.</li> <li>- HS tiếp nhận nhiệm vụ.</li> </ul> <p><b>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS đọc thông tin và chuẩn bị trình bày.</li> </ul> <p><b>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV mời 1 – 2 HS phát biểu, yêu cầu cả lớp nhận xét, góp ý, bổ sung (nếu cần thiết).</li> </ul> <p><b>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.</li> </ul>	<p><b>c, Nội dung chính:</b> Văn bản bàn về vấn đề “Việt Nam là nước nhỏ hay không nhỏ?”, qua đó giúp cho mỗi công dân Việt Nam có cái nhìn toàn diện, khách quan, chân thực nhất về vấn đề này trong xã hội ngày nay.</p>
---	--

**Hoạt động 2: Tìm hiểu văn bản**

**a. Mục tiêu:**

- ❖ Nhận biết được nội dung bao quát; luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu trong văn bản nghị luận.
- ❖ Phân tích được mối liên hệ giữa luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng; vai trò của luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong việc thể hiện luận đề, phân biệt được lí lẽ, bằng chứng khách quan (có thể kiểm chứng được) với ý kiến, đánh giá chủ quan của người viết

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến văn bản *Nước Việt Nam ta nhỏ hay không nhỏ?*

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến văn bản *Nước Việt Nam ta nhỏ hay không nhỏ?*

**d. Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p><b>1.Nhan đề</b></p> <p><b>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</b></p> <p>? Nhan đề có gì đặc biệt?</p> <p><b>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS suy nghĩ để trả lời.</li> </ul> <p><b>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.</li> </ul>	<p><b>II/ Tìm hiểu chi tiết</b></p> <p><b>1.Nhan đề</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhan đề đặt ra một câu hỏi với người đọc về việc đánh giá đất nước Việt Nam ta.</li> </ul>

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập****Nhiệm vụ 1:****Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV yêu cầu HS làm việc theo cặp, trả lời câu hỏi:
  - + *Vì sao tác giả nhắc tới Đại cáo bình Ngô? Tác giả đã nêu tên Vị Đại tướng đó là ai và ông nhắc nhở chuyện gì?*
  - + *Tác giả nêu những câu chuyện lịch sử này nhằm mục đích gì?*
  - + *Phần (1) và (2) của bài viết nhắc lại lịch sử nhằm mục đích gì? Điều đã tạo nên sức mạnh dân tộc trong những giai đoạn lịch sử quan trọng? Tác giả bài viết đặt ra vấn đề gì trong phần (3)?*

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS thảo luận theo cặp, suy nghĩ để trả lời.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**

- GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.

**Phần (1) và (2)** của bài viết nhắc lại lịch sử nhằm mục đích giúp người đọc hiểu rõ về thời kì, con người đã đấu tranh, hi sinh để đánh đổi được một đất nước như ngày hôm nay, tự hào về lịch sử hào hùng đó.

- Điều đã tạo nên sức mạnh của một dân tộc trong những giai đoạn lịch sử quan trọng đó chính là niềm tự hào, tự tôn dân tộc.

Tác giả nhắc tới những câu chuyện lịch sử này nhằm mục đích đưa ra dẫn chứng khẳng định nước Việt Nam ta là một quốc gia đáng tự hào từ rất lâu

**Nhiệm vụ 2:****Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV yêu cầu HS làm việc theo bàn, trả lời câu hỏi:

**2. Hệ thống luận điểm, lí lẽ, bằng chứng khách quan và ý kiến chủ quan.**

- Luận đề: Nước Việt Nam ta nhỏ hay không nhỏ?

- Luận điểm:

+ Luận điểm 1: Sự tồn tại và phát triển của dân tộc Việt Nam.

+ Luận điểm 2: Bằng chứng chứng minh cho sức mạnh của đất nước Việt Nam khi trải qua các cuộc chiến tranh suốt hơn bốn thập kỉ qua.

+ Luận điểm 3: Chỉ ra nguyên nhân dẫn đến nguy cơ thụt lùi của đất nước.

+ Những nguyên nhân dẫn nguy cơ tụt hậu của đất nước

+ Vấn đề tác giả đặt ra trong bài viết có ý nghĩa như thế nào đối với thế hệ trẻ hiện nay? Theo em, làm thế nào để có thể thoát khỏi tâm lí và cách hành xử tự ti của “một nước nhỏ”?

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS thảo luận theo nhóm bàn, suy nghĩ để trả lời.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**

- GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.

- **Vấn đề trong phần (3):** Nhưng điều gì khiến cho công cuộc 20 năm Đổi mới được biểu dương như những thành tựu to lớn với những chiến công của lịch sử giữ nước, cuối cùng vẫn không giúp nước ta tránh được nguy cơ tụt hậu?

- Theo tác giả bài nghị luận, những nguyên nhân dẫn đến sự tụt hậu của đất nước trong thời kì: Chiến tranh tàn phá của cải vật chất, để lại những tổn thất nặng nề và cách suy nghĩ và hành xử của con người.

- Ý kiến chủ quan của người viết: “Cách hành xử và tâm thế của chúng ta dường như luôn mặc cảm Việt Nam giờ đây là nước nhỏ. Không ít những phát biểu của các quan chức luôn khiến ta nghĩ rằng Tổ quốc của mình giống như những địa phương mong được xếp vào diện nghèo hay vùng sâu, vùng xa của thế giới để được hưởng những ưu tiên, trợ giúp, mà không thấy nổi hèn nhục của một nước nghèo và tụt hậu.”

\* Nhiệm vụ 3:

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

+ Lời nhắc nhở của Đại tướng Võ Nguyên Giáp, hai nhà doanh nghiệp

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

+ Luận điểm 4: Tâm thế lớn, cách nhìn nhận về đất nước.

- Các lí lẽ, bằng chứng khách quan:

+ Bây giờ, nếu mỗi ngày, cùng ....chúng ta mới chiến thắng nghèo hèn để vươn lên cho xứng đáng với dân tộc của mình,....nếu chỉ bỏ mình bỏ mình trong những ước muốn chật hẹp thì mục tiêu thoát khỏi nguy cơ tụt hậu là vô vọng. Còn như.....hành xử.

<p>- HS suy nghĩ để trả lời.</p> <p><b>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động</b></p> <p>- GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.</p> <p><b>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</b></p> <p>- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.</p> <p><b>III. Tổng kết</b></p> <p>Bước 1: Chuyển giao</p> <p>GV chiếu bài tập trắc nghiệm</p> <p><b>Bước 2: Thực hiện, báo cáo</b></p> <p>Học sinh làm bài tập rút ra nghệ thuật, nội dung</p> <p>Bước 4: Đánh giá</p> <p>GV nhận xét, kết luận bài học</p>	<p><b>III. Tổng kết</b></p> <p><b>1. Nghệ thuật</b></p> <p><b>2. Nội dung</b></p>
--	---

### C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học về văn bản *Nước Việt Nam ta nhỏ hay không nhỏ?*

**b. Nội dung:** Làm bài tập liên hệ

#### Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- Em hãy liên hệ những việc làm thể hiện tinh thần yêu nước, niềm tự hào về dân tộc của thế hệ trẻ VN trong thời đại ngày nay.

#### Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

#### Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.

#### Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá

### D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học về văn bản *Nước Việt Nam ta nhỏ hay không nhỏ?* liên hệ trách nhiệm của bản thân đối với đất nước

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học tổ chức hoạt động “HỌC SINH NÓI” với nội dung: Từ văn bản *Nước Việt Nam ta nhỏ hay không nhỏ?* em hãy nêu những việc làm thể hiện tinh thần yêu nước, tự hào dân tộc ngày nay

**c. Sản phẩm học tập:** Chia sẻ của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1:** GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

*Em hãy nêu những việc làm thể hiện tinh thần yêu nước, tự hào dân tộc ngày nay*

**Bước 2:** HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS thực hiện chia sẻ

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**

- GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV nhận xét, đánh giá

**\* HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

**1. Bài cũ:**

- Ghi nhớ các kiến thức về: tác giả, tác phẩm, nội dung và nghệ thuật
- Hoàn thành các bài tập trong phần luyện tập và vận dụng

**2. Bài mới:**

- Chuẩn bị bài “NL về một vấn đề .....” theo định hướng câu hỏi trong SGK

Ngày soạn: 07/12/2024	Tiết PPCT	Ngày dạy	02/01/2024	02/01/2024
	64,65,66	Lớp	8C	8C
		Tiết (TKB)	1,2	1(chiều)

**BÀI 5 - TIẾT 64,65,66: VIẾT  
NGHỊ LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ CỦA XÃ HỘI ĐẶT RA TRONG  
TÁC PHẨM VĂN HỌC**

## I. MỤC TIÊU

### 1. Về kiến thức

- Nắm được lưu ý và bước đầu biết viết bài nghị luận về một vấn đề của xã hội
- Nêu được vấn đề nghị luận và giải thích được tại sao vấn đề này đáng được bàn đến.
- Trình bày rõ ý kiến về vấn đề được bàn; đưa ra được những lí lẽ thuyết phục, bằng chứng đa dạng để chứng minh ý kiến của người viết.
- Đối thoại với những ý kiến khác nhằm khẳng định quan điểm của người viết.
- Nêu được ý nghĩa của vấn đề nghị luận và phương hướng hành động.

### 2. Về kĩ năng

\* Năng lực chung: Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo

\* Năng lực đặc thù:

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ trong giao tiếp hàng ngày
- Năng lực giải quyết vấn đề thông qua môn học

### 3. Về phẩm chất

- Yêu nước: Hiểu và tự hào về sự phong phú của tiếng Việt, bồi dưỡng tình yêu với tiếng Việt - ngôn ngữ của dân tộc chúng ta.
- Chăm chỉ: HS có ý thức vận dụng bài học vào các tình huống, hoàn cảnh thực tế đời sống của bản thân.
- Trách nhiệm: Làm chủ được bản thân trong quá trình học tập, có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

## II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

**1. Thiết bị:** Máy chiếu, máy tính, Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm

**2. Học liệu:** Sgk, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, phiếu học tập

## III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

### 1. HĐ 1: Khởi động

a) **Mục tiêu:** HS biết được các nội dung cơ bản của bài học cần đạt được, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

b) **Nội dung:** HS dựa vào hiểu biết để trả lời câu hỏi.

c) **Sản phẩm:** HS vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra.

d) **Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

GV tổ chức trò chơi

Yêu cầu: Mỗi hình ảnh tương ứng với một vấn đề của đời sống, em hãy gọi tên vấn đề đó?

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thực hiện nhiệm vụ

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Kết luận, nhận định (GV):**

GV nhận xét, chuẩn hóa kiến thức, cho điểm học sinh.

Giáo viên giới thiệu dẫn dắt vào bài:

**2. HĐ 2: Hình thành kiến thức mới**

<b>ĐỊNH HƯỚNG</b>	
<p>a) <b>Mục tiêu:</b> Nắm được lưu ý của việc viết bài nghị luận về một vấn đề của đời sống</p> <p>b) <b>Nội dung:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV hỏi HS về nội dung phần Định hướng.</li> <li>- HS trả lời</li> </ul> <p>c) <b>Sản phẩm:</b> HS vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra.</p> <p>d) <b>Tổ chức thực hiện:</b></p>	
<b>Hoạt động của giáo viên và học sinh</b>	<b>Sản phẩm cần đạt</b>
<p>B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV giao nhiệm vụ cho HS thông qua hoạt động chia sẻ</li> <li>? Dựa vào phần soạn bài và phần tìm hiểu kiến thức ngữ văn trong sgk, em hãy cho biết Tại sao các văn bản đọc hiểu đã học trong Bài 5 sách Ngữ Văn 8, tập một đều là những bài nghị luận về một vấn đề của đời sống?</li> <li>? Theo em việc viết bài nghị luận về một vấn đề xã hội cần có những lưu ý gì?</li> </ul> <p>B2: Thực hiện nhiệm vụ</p> <p><b>HS:</b> chia sẻ theo hiểu biết của bản thân.</p> <p>B3: Báo cáo, thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV chỉ định 3 - 5 học sinh chia sẻ</li> <li>- HS bày tỏ suy nghĩ về phần chia sẻ của các bạn.</li> </ul>	<p><b>I. Định hướng</b></p> <p><b>1. Các văn bản đọc hiểu đã học trong Bài 5 sách Ngữ Văn 8, tập một đều là những bài nghị luận về một vấn đề của xã hội ?</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <i>Hịch tướng sĩ</i> (Trần Quốc Tuấn) đặt vấn đề: thái độ và hành động trước nguy cơ xâm lược của ngoại bang.</li> <li>- Đoạn mở đầu bài <i>Đại cáo Bình Ngô</i> (Nguyễn Trãi) khẳng định Việt Nam là nước độc lập, có nền văn hiến và lịch sử rất đáng tự hào.</li> <li>- <i>Chiếu dời đô</i> (Lý Công Uẩn) trình bày lí do và ý nghĩa của việc dời thủ đô về đất Thăng Long.</li> <li>- <i>Nước Việt Nam ta nhỏ hay không nhỏ?</i> (Đương Trung Quốc) nêu lên vấn đề: Làm</li> </ul>

<p>B4: Kết luận, nhận định</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV nhận xét phần chia sẻ của HS</li> </ul> <p><b>2. Lưu ý</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vấn đề của đời sống mà bài viết nêu lên cần thiết thực và giàu ý nghĩa.</li> <li>- Người viết cần thể hiện rõ ý kiến của mình về vấn đề đã nêu lên.</li> <li>- Vấn đề và ý kiến của người viết phải được làm sáng tỏ bằng các lí lẽ và bằng chứng phong phú, chính xác, có sức thuyết phục,...</li> <li>- Ý kiến, lí lẽ và bằng chứng cần có quan hệ chặt chẽ, tập trung làm rõ vấn đề; giữa các đoạn văn trong thân bài cần có câu chuyển đoạn</li> </ul>	<p>thế nào để đất nước Việt Nam mãi trường tồn và phát triển ngày càng lớn mạnh?</p> <p>-&gt; Để làm rõ vấn đề các tác giả đều nêu lên ý kiến, dẫn ra các lí lẽ và bằng chứng cụ thể.</p> <p><b>2. Lưu ý</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vấn đề của đời sống mà bài viết nêu lên cần thiết thực và giàu ý nghĩa.</li> <li>- Người viết cần thể hiện rõ ý kiến của mình về vấn đề đã nêu lên.</li> <li>- Vấn đề và ý kiến của người viết phải được làm sáng tỏ bằng các lí lẽ và bằng chứng phong phú, chính xác, có sức thuyết phục,...</li> <li>- Ý kiến, lí lẽ và bằng chứng cần có quan hệ chặt chẽ, tập trung làm rõ vấn đề; giữa các đoạn văn trong thân bài cần có câu chuyển đoạn.</li> </ul>
---	---

**THỰC HÀNH**

- a) Mục tiêu:** HS thực hành viết bài văn nghị luận về một vấn đề xã hội
- b) Nội dung:** HS thực hiện yêu cầu theo hướng dẫn của giáo viên
- c) Sản phẩm:** Phiếu học tập số 1, số 2 của HS; bài văn của HS.
- d) Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Sản phẩm cần đạt
<p><b>NV1</b></p> <p>B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)</p> <p>? GV yêu cầu học sinh đọc phần chuẩn bị?</p> <p>? Học sinh thực hiện yêu cầu trong Phiếu học tập số 1: <b>tìm ý</b></p> <p>? Học sinh hoàn thiện các yêu cầu trong phiếu</p> <p><b>Phiếu học tập số 2: lập dàn ý</b></p> <p>B2: Thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tìm ý và lập dàn ý theo hệ thống câu hỏi trong phiếu (Hoàn thiện phiếu học tập số 1, 2 – làm việc cá nhân)</li> <li>- Trao đổi bài theo cặp kiểm tra và sửa chữa (làm việc cặp đôi).</li> </ul>	<p><b>II. Thực hành</b></p> <p><b>1. Đề bài:</b> Trình bày suy nghĩ của em về những biểu hiện của tình yêu tổ quốc</p> <p><b>a. Chuẩn bị</b></p> <p><b>b. Tìm ý và lập dàn ý</b></p> <p>* <b>Tìm ý:</b></p> <p>* <b>Lập dàn ý:</b></p> <p><b>Mở bài:</b> Nêu ý khái quát: các biểu hiện của tình yêu Tổ quốc.</p> <p><b>Thân bài:</b></p> <p>Đoạn 1: Yêu thiên nhiên, đất nước, con người:...</p> <p>Đoạn 2: Quý trọng văn hoá dân tộc: ...</p> <p>Đoạn 3: Tự hào về lịch sử dân tộc: ...</p> <p>Đoạn 4: Xây dựng và bảo vệ Tổ quốc: ...</p>



<p><b>- Hoạt động viết</b></p> <p>+ Viết một đoạn văn: GV chia lớp thành 3 nhóm:</p> <p><b>Nhóm 1:</b> Thực hiện viết một đoạn văn phần mở bài, viết Đoạn 1 phần thân bài theo dàn ý đã lập</p> <p><b>Nhóm 2:</b> Thực hiện viết Đoạn 2, Đoạn 3 phần thân bài theo dàn ý đã lập</p> <p><b>Nhóm 3:</b> Thực hiện viết Đoạn 4 phần thân bài, một đoạn văn phần kết bài theo dàn ý đã lập</p> <p>Có thể cho 6 học sinh trong 3 nhóm thực hiện trên bảng, các học sinh khác viết vào vở.</p> <p>+ Viết bài văn nghị luận hoàn chỉnh: HS hoạt động cá nhân</p> <p>B3: Báo cáo, thảo luận</p> <p>- GV: Yêu cầu HS báo cáo sản phẩm.</p> <p>- HS: Trình bày sản phẩm của mình.</p> <p>+ Theo dõi, nhận xét, bổ sung cho bài của bạn và chữa bài của mình (nếu cần).</p> <p>B4: Kết luận, nhận định</p> <p>- GV chiếu kết quả của phiếu tìm ý, lập dàn ý để học sinh đối chiếu hoàn thiện bài.</p> <p>- Nhận xét thái độ học tập và sản phẩm của HS</p>	<p><b>Kết bài:</b> Nêu ý tổng hợp: tình yêu Tổ quốc thật đa dạng, phong phú.</p> <p><b>c. Viết</b></p> <p>- Viết một đoạn văn (mở bài, kết bài, Đoạn 1, Đoạn 2, Đoạn 3. Đoạn 4 trong phần thân bài)</p> <p>- Viết bài văn nghị luận về một vấn đề của đời sống, chú ý vận dụng cách viết câu khẳng định, phủ định và câu cảm</p> <p><b>d. Kiểm tra và chỉnh sửa</b></p> <p>- Đọc lại</p> <p>- Kiểm tra về nội dung: các ý nêu trong đoạn văn, bài văn nghị luận đã hợp lí và đầy đủ chưa và hình thức: bố cục, diễn đạt, trình bày</p> <p>- Nhận biết các lỗi còn mắc phải và cách chỉnh sửa</p> <p>- Tự đánh giá kết quả bài viết</p>
---	--

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Sản phẩm cần đạt
<p><b>NV2</b></p> <p>B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)</p> <p>? Làm bài tập sgk trang 128</p> <p><b>Bài tập</b></p> <p>1. Nhận biết các yếu tố khẳng định (phủ định) và biểu cảm trong hai đoạn văn sau:</p> <p>+ <i>Nay các người ngồi nhìn chủ nhục mà không biết lo; thân chịu quốc sỉ mà không biết thẹn. Làm</i></p>	<p><b>2. Rèn luyện kĩ năng viết câu khẳng định, phủ định và câu cảm trong văn nghị luận</b></p> <p><b>a. Cách thức</b></p> <p>- Văn nghị luận vừa có lí lẽ, lập luận chặt chẽ, vừa biểu hiện cảm xúc, tình cảm của người viết; nêu rõ được ý kiến đồng tình hay phản đối. Vì thế, khi</p>

<p><i>tướng triều đình đứng hầu quân man mà không biết túc; nghe nhạc thái thường đãi yến sứ nguy mà không biết cảm...</i></p> <p style="text-align: center;">(Hịch tướng sĩ – Trần Quốc Tuấn).</p> <p>+ Thế mà hai nhà Đinh, Lê lại theo ý riêng mình, khinh thường mệnh trời, không noi theo dấu cũ Thương, Chu, cử đóng yên đô thành ở nơi đây, khiến cho triều đại không được lâu bền, số vận ngắn ngủi, trăm họ phải hao tổn, muôn vật không được thích nghi. Trẫm rất đau xót về việc đó,...</p> <p style="text-align: center;">(Chiếu dời đô - Lý Công Uẩn).</p> <p><b>Gợi ý sản phẩm</b></p> <p>+ Nay các người nhìn chủ nhục <u>mà không biết lo</u>, thấy nước nhục <u>mà không biết then</u>. Làm tướng triều đình phải hầu quân giặc <u>mà không biết túc</u>; nghe nhạc thái thường để đãi yến sứ <u>mà không biết cảm</u>. (Hịch tướng sĩ – Trần Quốc Tuấn).</p> <p>+ Thế mà hai nhà Đinh, Lê lại theo ý riêng mình, khinh thường mệnh trời, <u>không</u> noi theo dấu cũ Thương, Chu, cử đóng yên đô thành ở nơi đây, khiến cho triều đại <u>không được</u> lâu bền, số vận ngắn ngủi, trăm họ phải hao tổn, muôn vật <u>không được</u> thích nghi. Trẫm rất <b>đau xót</b> về việc đó [...]</p> <p style="text-align: center;">(Chiếu dời đô – Lý Công Uẩn).</p>	<p>viết cần chú ý kết hợp các loại từ ngữ và</p> <p>+ Câu khẳng định, phủ định (<i>nhất định, không, không thể,...</i>)</p> <p>+ Câu văn biểu cảm (<i>ôi, than ôi, hỡi ôi,...</i>),...</p> <p>+ Cần vận dụng từ ngữ thể hiện sự lập luận (<i>tuy ... nhưng, vì thế, cho nên, không những ... mà còn, càng ... càng, phải chăng, chẳng lẽ, như vậy, suy ra,...</i>)</p> <p>+ Các từ ngữ như đang tranh luận, đối thoại trực tiếp với người đọc (<i>vâng, chẳng lẽ, đúng thế, điều ấy đã rõ,...</i>).</p> <p><b>b. Bài tập</b></p> <p><b>Chú thích:</b> gạch chân và in đậm: yếu tố khẳng định</p> <p>gạch chân và không in đậm: yếu tố phủ định</p> <p>không gạch chân và in đậm: yếu tố biểu cảm</p>
--	--

<p><b>TRẢ BÀI</b></p> <p><b>a) Mục tiêu:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thấy được ưu điểm và nhược điểm của bài văn nghị luận về một vấn đề của đời sống, chú ý vận dụng cách viết câu khẳng định, phủ định và câu cảm</li> <li>- Chỉnh sửa hoàn thiện bài văn nghị luận về một vấn đề của đời sống</li> </ul> <p><b>b) Nội dung:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS thảo luận theo cặp nhận xét bài của mình và bài của bạn.</li> <li>- HS đọc bài viết, làm việc theo cặp.</li> </ul> <p><b>c) Sản phẩm:</b> HS vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra.</p>
---

<b>d) Tổ chức thực hiện:</b>	
<b>Hoạt động của giáo viên và học sinh</b>	<b>Sản phẩm cần đạt</b>
<p>B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Yêu cầu HS đọc, nhận xét, chữa bài theo cặp</li> <li>- HS chữa lại bài sau khi đã đọc lại và nhận phiếu góp ý từ bạn.</li> </ul> <p>B2: Thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV giao nhiệm vụ</li> <li>- HS làm việc theo cặp và làm việc cá nhân</li> <li>- GV thu phiếu của một vài cặp ngẫu nhiên và chữa</li> </ul> <p>B3: Báo cáo, thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV yêu cầu 3 - 5 nhóm báo cáo kết quả thảo luận, rút kinh nghiệm của cặp mình với bạn.</li> </ul> <p>B4: Kết luận, nhận định</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV chốt lại những ưu điểm và tồn tại của bài viết.</li> <li>- Chiếu một số bài làm tốt của HS để HS trong lớp tham khảo.</li> </ul>	-

**3. HĐ 3: Luyện tập**

**a) Mục tiêu:** Học sinh vận dụng kiến thức được học viết bài văn nghị luận về một vấn đề xã hội trong tác phẩm văn học

**b) Nội dung:** Giáo viên giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ (ở nhà)

**c) Sản phẩm:** Sản phẩm của HS

**d) Tổ chức thực hiện**

B1: Chuyển giao nhiệm vụ:

? Suy nghĩ của em về “Những tác động tích cực và tiêu cực của mạng xã hội đến học sinh”.

B2: Thực hiện nhiệm vụ

GV: Hướng dẫn HS xác nhiệm vụ.

HS: Đọc, xác định yêu cầu của bài tập.

B3: Báo cáo, thảo luận

- Nộp sản phẩm về GV sau 1 tuần

B4: Kết luận, nhận định

- Nhận xét ý thức làm bài của HS (HS nộp bài không đúng quy định (nếu có)).

**\* Hướng dẫn học sinh học bài và chuẩn bị bài**

- Hướng dẫn học sinh học bài ở nhà: tiếp tục hoàn thiện bài tập trong tiết học

- Chuẩn bị bài sau: Soạn bài Nói và nghe: Nghe và tóm tắt nội dung thuyết trình về một vấn đề xã hội